

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 68/2017/HSPT

Ngày: 20-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Văn Tỉnh

2. Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Nôm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2017/HSPT ngày 22 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Phan Chí T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị cáo có kháng cáo: **Phan Chí T**, sinh ngày 29 tháng 8 năm 1971 tại Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký hộ khẩu thường trú: 215/3B đường B, phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; số chứng minh nhân dân: xxxxxxxxxx; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; con ông Phan Chân H (đã chết) và bà Trần Thị D, sinh năm 1939; có vợ Võ Thị Trúc P, sinh năm 1980 và 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/02/2017, chuyển tạm giam ngày 25/02/2017 cho đến nay; có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 17/02/2017, Phan Chí T đón xe khách đi Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích mua ma túy về cất giấu sử dụng. Khi đến Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, T hỏi mua của 01 người nam chạy xe ôm (không rõ tên và địa chỉ) 01 cục ma túy với giá 550.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T đón xe khách về nhà ở ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, T sử dụng lưới lam phân ma túy ra thành 02 cục rồi sử dụng. Sau khi sử dụng, T gói cục ma túy trong giấy bạc màu trắng, cục ma túy còn lại gói trong giấy bạc màu vàng để trong một cái bóp màu đen và để trong túi

quần ở trong nhà. Đến khoảng 16 giờ 45 phút ngày 21/02/2017 thì hành vi của T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ gồm:

Thu trong người của Phan Chí T gồm:

- Thu trong túi quần phía sau bên trái: tiền Việt Nam 1.650.000 đồng (gồm 02 tờ polyme mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ polyme mệnh giá 200.000 đồng, 03 tờ polyme mệnh giá 100.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 50.000 đồng, 02 tờ polyme mệnh giá 20.000 đồng, 01 tờ polyme mệnh giá 10.000 đồng) được niêm phong ký hiệu A3 đã giao trả cho bị cáo T.

- Thu trong túi áo phía trước bên trái: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, số IMEI 1: 354884083324xxx, số IMEI 2: 354884083324xxx đã giao trả cho bị cáo T.

- Thu trong túi quần phía sau bên phải:

+ 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Chí T; 02 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 60Y6 - xxxx và 72K6 - xxxx; 01 thẻ hội viên METRO; 01 thẻ VIP CARD mang tên Phan Chí T đã giao trả cho bị cáo T.

+ Tiền Việt Nam: 15.000.000 đồng (gồm 30 tờ polyme mệnh giá 500.000 đồng) được niêm phong ký hiệu A2 đã giao trả cho bị cáo T.

+ 01 cục chất màu trắng được gói trong giấy bạc màu trắng và 01 cục chất màu trắng được gói trong giấy bạc màu vàng (nghỉ là ma túy) được niêm phong ký hiệu A1.

+ 01 lưỡi lam màu trắng; 01 bóp màu đen.

Theo kết luận giám định số 763/C54B ngày 22/02/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chất màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc màu trắng và 01 gói giấy bạc màu vàng được niêm phong gửi đến giám định có tổng trọng lượng là 0,4028 gam, đều có Heroin.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2017/HSST ngày 21-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Chí T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Phan Chí T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 21/02/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2017 bị cáo Phan Chí T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt với lý do: Là lao động chính trong gia đình và nuôi con nhỏ.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Chí T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Phan Chí T 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bị cáo phát biểu ý kiến: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phan Chí T khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: Với mục đích mua ma túy về để cất giấu sử dụng, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, nên vào khoảng 14 giờ ngày 17/02/2017, Phan Chí T đi đến Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh mua 01 cục ma túy với giá 550.000 đồng đem về nhà ở ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre phân ma túy ra thành 02 cục. Sau khi sử dụng, T để 02 cục ma túy trong một cái bóp màu đen và để trong túi quần phía sau bên phải. Đến ngày 21/02/2017 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Theo kết luận giám định số 763/C54B ngày 22/02/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chất màu trắng đựng trong 01 gói giấy bạc màu trắng và 01 gói giấy bạc màu vàng được niêm phong gửi đến giám định có tổng trọng lượng là 0,4028 gam, đều có Heroin. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Chí T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Chí T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi con nhỏ, bị cáo có cha là ông Phan Chấn H là người có công với

Tổ quốc, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phan Chí T 02 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân không tốt; ngày 30/6/2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; đến ngày 23/11/2010 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Tuy nhiên, lần phạm tội này bị cáo đã thành khẩn khai báo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình, nuôi con nhỏ, có cha là người có công với Tổ quốc; đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “ Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ *hai năm đến bảy năm*”; nhưng theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “ Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ *01 năm đến 05 năm* c/ Hêrôin.... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam ”; xét thấy bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ trái phép 0,4028 gam là thấp so với khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng quy định có lợi cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, vì vậy quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo về yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo nên chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Đối với Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo không phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46;

Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Chí T; Sửa bản án sơ thẩm số 23/2017/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre; Xử phạt bị cáo Phan Chí T 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/02/2017.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Phan Chí T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện C (3b);
- Công an huyện C (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã V (1b);
- UBND phường 4 - Quận 6 -TP.HCM (1b);
- Nhà tạm giữ CA huyện C (1b);
- Bị cáo đang bị tạm giam (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tôn Văn Thông